

VẤN ĐỀ SỬ DỤNG HỢP LÝ VÀ PHÁT HUY KHẢ NĂNG LAO ĐỘNG SÁNG TẠO CỦA CÁN BỘ KHOA HỌC-CHUYÊN MÔN

TRẦN XUÂN ĐỊNH

Tiếp cận khái niệm sử dụng hợp lý cán bộ khoa học phải từ 2 phía: người cán bộ và cơ quan sử dụng họ, dù bất kể từ phía nào cũng có thể thấy rằng hiện nay chúng ta chưa sử dụng hợp lý đội ngũ cán bộ khoa học-chuyên môn hiện có. Đó là 1 thực tế cần nhìn nhận nghiêm túc để giải quyết, đặc biệt trong tình hình đổi mới hiện nay.

Tác giả đưa ra hệ các tiêu chuẩn, chỉ tiêu mô tả khả năng lao động sáng tạo của cán bộ khoa học. Chúng ta chỉ có thể sử dụng hợp lý đội ngũ này trên những cơ sở, luận cứ có căn cứ về hoạt động lao động sáng tạo của người cán bộ khoa học. Nếu không làm được điều đó thì hiện trạng hiện nay khó có thể khắc phục được.

I - ĐẶT VẤN ĐỀ

Sử dụng hợp lý và phát huy khả năng lao động sáng tạo của người cán bộ khoa học - chuyên môn (CBKH-CM) là hai thành phần cấu thành của một chỉnh thể thống nhất. Sử dụng hợp lý tạo điều kiện cho người (hoặc tập thể, và nói rộng ra là toàn đội ngũ) CBKH-CM phát huy khả năng của mình để sáng tạo ra các sản phẩm khoa học và kỹ thuật, góp phần thúc đẩy sự phát triển khoa học và kỹ thuật và kinh tế-xã hội của đất nước. Đến lượt mình, sự phát huy khả năng lao động sáng tạo của người (hay tập thể) CBKH-CM là thước đo phản ánh hiệu quả đào tạo và sử dụng hợp lý người (hay tập thể) CBKH-CM.

Vấn đề sử dụng hợp lý và phát huy khả năng lao động sáng tạo của người CBKH-CM đang còn mới mẻ, nhưng nó là vấn đề thuộc thiết đối với hầu hết tất cả các nước trên thế giới, đặc biệt là các nước đang và còn kém phát triển. Điều đó cắt nghĩa tại sao hiện nay nhiều nước trên thế

giới, các tổ chức quốc tế (ESCAP, UNESCO, cộng đồng SEV v.v.) đặc biệt lưu ý tới vấn đề xây dựng tiềm lực CBKH-CM.

Ở nước ta số lượng CBKH-CM tính bình quân theo đầu người chưa nhiều, song trong thực tế đã bộc lộ khá nhiều dấu hiệu phản ánh những thiếu sót trầm trọng trong việc sử dụng, khai thác đội ngũ CBKH-CM. Người CBKH sau khi kết thúc quá trình đào tạo, họ mới chỉ đạt tới trình độ tối thiểu của mức văn bằng nhận được. Môi trường, đồng nghiệp, đòi hỏi của sản xuất bắt họ phải không ngừng học hỏi, nghiên cứu sâu thêm, đổi mới và hiện đại hóa kiến thức chuyên ngành hoặc những ngành lân cận. Trong thực tế nhiều khi chúng ta bố trí cán bộ không đúng, tùy tiện, thậm chí trái ngành nghề, không có được các chính sách kích thích; làm cho người CBKH chóng bị hao mòn kiến thức, chạy theo những con đường kiếm sống khác... Thực tế chỉ ra rằng cần tiếp cận khái niệm "sử dụng hợp lý" từ hai phía: phía người được sử dụng và phía cơ quan sử dụng người. Nhưng bất kể

từ phía nào, hiện nay đều có thể kết luận rằng chúng ta chưa sử dụng hợp lý đội ngũ CBKH—CM đã được đào tạo. Đã đến lúc chúng ta cần nghiêm túc nhìn nhận và đánh giá vấn đề này để từ đó rút ra những kết luận xác đáng, giúp Nhà nước nhận ra vấn đề và kịp thời có những chính sách và biện pháp khuyến khích, thúc đẩy.

II - HỆ CÁC TIÊU CHUẨN, CHỈ TIÊU MÔ TẢ KHẢ NĂNG LAO ĐỘNG SÁNG TẠO CỦA CÁN BỘ KHOA HỌC

Đội ngũ CBKH ở nước ta hình thành và phát triển trong thời gian hơn 30 năm lại đây. Từ con số không đi lên, cho nên lúc đầu các cơ quan luôn cảm thấy thiếu CBKH. Cửa ra của các trường đại học cũng như ở nước ngoài và không đủ đáp ứng nhu cầu của các bộ, ngành. Đó là lúc ta chưa thấy nhu cầu khách quan phải tiến hành công tác kế hoạch hóa khâu đào tạo cũng như chưa cần đặt ra vấn đề sử dụng có hiệu quả những CBKH và chuyên môn được đào tạo ra.

Khoảng cuối những năm 70, đầu những năm 80, mặc dù ta đã thu hẹp khâu đào tạo, nhưng bắt đầu xuất hiện một hiện tượng «bão hòa» giả tạo, theo nghĩa:

— CBKH được đào tạo ra chỉ muốn tập trung ở các thành phố lớn, nhất là Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, do đó dễ gây nên cảm giác «bão hòa» cho người làm công tác phân phối.

— Do khâu xác định nhu cầu tiến hành thiếu cơ sở khoa học, việc kế hoạch hóa đào tạo cũng trong tình trạng ấy nên xuất hiện, hiện tượng: chuyên ngành thừa cứ thừa, chuyên ngành thiếu cứ thiếu.

Nếu không kịp thời rút kinh nghiệm và đổi mới cách làm trên, tin chắc sẽ lặp lại đối với công tác đào tạo trên đại học.

Khi đã có một đội ngũ CBKH—CM tương đối lớn (gần 7 nghìn người có học vị và học hàm, khoảng 40 vạn người có trình độ đại học, trên dưới 70 vạn người có trình độ trung học và công nhân kỹ thuật), một cách tự nhiên nảy sinh vấn đề sử dụng hợp lý và phát huy khả năng lao động sáng tạo của đội ngũ CBKH.

Chúng tôi cho rằng không thể nói đến khái niệm «sử dụng hợp lý» nếu chưa đưa ra được những tiêu chuẩn và chỉ tiêu mô tả khả năng lao động sáng tạo của bản thân nhà khoa học, hoặc lớn hơn là một tổ chức khoa học (viện nghiên cứu khoa học, các trường đại học) và cuối cùng là của toàn đội ngũ.

Như vậy sử dụng hợp lý (hay không) về cơ bản chỉ là khái niệm dẫn xuất từ thực chất của

vấn đề có (hay không) phát huy được khả năng lao động sáng tạo của người CBKH.

Với quan niệm như vừa nêu, phần tiếp theo sẽ tập trung trình bày và làm rõ thực trạng của vấn đề phát huy khả năng lao động sáng tạo của bản thân nhà khoa học cũng như của cơ quan sử dụng (về phương diện nào đó có thể ứng dụng lý thuyết xếp chồng).

Nhà khoa học có các đặc trưng bản thân của họ. Đặc trưng đó được phản ánh như là các thông số đầu vào (xem bảng trang 6) nhằm giúp cho cơ quan quản lý có thêm thông tin trong quá trình xem xét và đánh giá. Tiếp theo trong bảng cho ta biết các tiêu chuẩn và chỉ tiêu mô tả các mặt hoạt động của nhà khoa học.

2.1. Hệ các tiêu chuẩn

Có thể coi rằng hành vi của nhà khoa học được thể hiện và phản ánh thông qua hai tiêu chuẩn: hoạt động khoa học—kỹ thuật và hoạt động xã hội. Trong xã hội chúng ta, tất nhiên không loại trừ nhưng nói chung nhà khoa học không phải và không chỉ có tham gia các hoạt động khoa học—kỹ thuật thuần túy. Hai tiêu chuẩn này độc lập nhau nhưng lại có tác dụng qua lại lẫn nhau. Điều đó đúng xét trong tổng thể, nhưng sự phản ánh cụ thể đối với từng cá nhân nhà khoa học lại rất đa dạng và phong phú. Do đó sự xem xét và đánh giá cũng phải cụ thể, chi tiết và cần có cơ sở khoa học.

2.2. Hệ các chỉ tiêu

Các chỉ tiêu được hiểu là cái phản ánh cụ thể, là các yếu tố cấu thành của tiêu chuẩn.

A—Các chỉ tiêu thuộc tiêu chuẩn thứ nhất

1. Hoạt động cơ bản: Đây là hoạt động «sản lượng» của nhà khoa học, ví dụ giảng dạy ở các trường đại học, nghiên cứu ở các viện nghiên cứu khoa học, làm công tác thiết kế hay chế tạo ở các trung tâm ứng dụng hoặc phòng thí nghiệm của các nhà máy, liên hiệp v.v. Đánh giá theo tiêu chuẩn này chủ yếu dựa vào «đánh giá định kỳ» (là vấn đề chiếm chỗ) của bản thân nhà khoa học.

2. Hoạt động ứng dụng: Theo quan niệm hiện nay, đây là mặt hoạt động rất quan trọng của nhà khoa học nhằm đưa tiến bộ của khoa học và kỹ thuật vào sản xuất và đời sống xã hội, tạo ra sản phẩm và công nghệ mới. Tiêu chuẩn này khẳng định tính thực tiễn, khả thi và hiệu quả của hoạt động khoa học—kỹ thuật. Tiêu chuẩn này góp phần khẳng định quan điểm đưa khoa học và kỹ thuật trở thành lực lượng sản xuất. Khi đánh giá cần căn cứ vào số lượng,

chất lượng và hiệu quả kỹ thuật - kinh tế của các đề tài (đề án, công trình) do nhà khoa học tiến hành với tư cách chủ trì hay tham gia, đặc biệt là các công trình được đưa vào sản xuất hàng loạt ở qui mô công nghiệp.

3. Hoạt động phát minh sáng chế và hợp lý hóa sản xuất: Khi đánh giá cần căn cứ vào số lượng bằng tác giả sáng chế (tác giả hoặc đồng tác giả) được trong nước hay ngoài nước công nhận, hoặc các giấy chứng nhận tác giả các công trình hợp lý hóa sản xuất.

- Hệ thống (tóm tắt) các tiêu chuẩn và chỉ tiêu đánh giá khả năng lao động sáng tạo của nhà khoa học

Các thông số đầu vào	Tiêu chuẩn	Chỉ tiêu
- Tuổi đời (đến 30, 30 - 39, 40 - 49, 50) - Giới tính - Dân tộc - Học vị - Học hàm - Năng lực, số trường	Hoạt động khoa học - kỹ thuật	- Hoạt động cơ bản - Hoạt động ứng dụng - Hoạt động phát minh, sáng chế và hợp lý hóa sản xuất - Các công bố khoa học - Hoạt động kiêm nhiệm
	Hoạt động xã hội	- Đảng, công đoàn, thanh niên, phụ nữ - Các hội khoa học, văn hóa - nghệ thuật - Các tổ chức thể thao, du lịch - Các tổ chức xã hội khác

4. Các công bố khoa học: Đó là số lượng các công bố khoa học (tác giả và đồng tác giả) bao gồm các sách (chuyên khảo, giáo trình, dịch thuật), các bài báo đăng ở các tạp san, tạp chí khoa học, các báo cáo khoa học (ở các hội nghị khoa học quốc tế, quốc gia, các trường đại học v.v.) v.v. có liên quan đến chuyên ngành của nhà khoa học đã được công bố ở trong và ngoài nước.

5. Hoạt động kiêm nhiệm của nhà khoa học: Hoạt động kiêm nhiệm ngoài phân ánh nhu cầu khách quan của cơ quan mời kiêm nhiệm nó còn thể hiện khả năng và uy tín của nhà khoa học. Có thể nêu một số ví dụ như sau: Nhà khoa học công tác (định biên) ở một cơ quan, nhưng được một cơ quan khác mời:

- Giảng dạy.
- Chủ nhiệm các đề tài hoặc đề án.

- Hướng dẫn nghiên cứu sinh hoặc sinh viên làm luận án tốt nghiệp.
- Cố vấn khoa học cho nhà máy, xí nghiệp
- Cố vấn khóa học cho cán bộ lãnh đạo v.v.

B - Các chỉ tiêu thuộc tiêu chuẩn thứ hai

Các hoạt động xã hội của nhà khoa học là các hoạt động trong các hội, các đoàn thể. Ở đây các hội hiểu là các hội phổ biến khoa học, Hội lão khoa, Hội văn học - nghệ thuật, Hội du lịch và thể thao v.v.; các đoàn thể hiểu là các tổ chức Đảng, công đoàn, đoàn thanh niên, phụ nữ v.v. Phần này không lớn nhưng nó góp phần thúc đẩy xã hội phát triển và nâng cao dân trí. Hiện đang tồn tại các quan điểm khác nhau khi tiếp cận vấn đề này, do đó việc đánh giá khá phức tạp, cần xây dựng những tiêu thức cụ thể.

Bien tập: Kim Oanh